

VNINDEX


Giá trị đóng cửa	962.16
Biến động (%)	-2.55%
KL(triệu CP)	250,9
Giá trị (tỷ đồng)	6828,1
SLCP tăng giá	46
SLCP giảm giá	257
SLCP đứng giá	32

HNX-INDEX


Giá trị đóng cửa	110.58
Biến động (%)	-2.18%
KL(triệu CP)	61,6
Giá trị (tỷ đồng)	975.0
SLCP tăng giá	36
SLCP giảm giá	138
SLCP đứng giá	49

UPCOM-INDEX


Giá trị đóng cửa	51.68
Biến động (%)	-1.67%
KL(triệu CP)	27,3
Giá trị (tỷ đồng)	354,2
SLCP tăng giá	52
SLCP giảm giá	98
SLCP đứng giá	36

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Áp lực bán mạnh tiếp tục gia tăng trên diện rộng, VN-Index lao dốc phiên thứ 2 liên tiếp và về sát ngưỡng 960 điểm. Thanh khoản thị trường tăng hơn 47% so với phiên đầu tuần.

VN-Index giảm 25,18 điểm (-2,55%) xuống mức 962,16 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về số mã giảm điểm (46 mã tăng/257 mã giảm).

Phiên giảm mạnh gần 30 điểm ngày hôm qua cùng những thông tin bất lợi cho thị trường như việc khối ngoại liên tục bán ròng, những lo ngại chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và vấn đề tỷ giá khiến không khí giao dịch tiêu cực bao trùm ngay khi mở cửa, VN-Index đánh mất hơn 22 điểm chỉ trong 20 phút giao dịch đầu tiên do đã bán tháo trên diện rộng tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Trong ít phút sau đó, dù lực cầu bắt đáy xuất hiện giúp đà giảm được thu hẹp nhưng đợt hồi phục chỉ duy trì được khoảng 15 phút. Áp lực bán tiếp tục tăng mạnh tại nhóm ngân hàng (CTG, TCB, BID, VPB, STB, MBB, EIB,...), bất động sản (DXG, VIC, NVL, KDH,...), chứng khoán (SSI, HCM, VND,...), dầu khí (GAS, PVD,...) khiến chỉ số giảm sâu và đóng cửa phiên sáng sát mốc 960 điểm. Ngay khi bước sang phiên chiều, áp lực bán dồn dập tăng cao đẩy hàng loạt mã giảm sàn, VN-Index có lúc giảm gần 46 điểm, về sát 940 điểm với sắc đỏ bao trùm. Tuy nhiên, trong khoảng 30 phút cuối phiên, lực cầu bắt đáy tăng mạnh giúp hãm bớt đáng kể đà giảm của chỉ số, VN-Index đóng cửa tại mức 962,16 điểm, mất thêm 2,55% so với phiên ngày hôm qua.

- 27/30 cổ phiếu trong nhóm VN30 giảm điểm, chỉ có SBT và CII đóng cửa giữ được sắc xanh và VCB tham chiếu. Trong đó, VNM giảm 3,7% đã lấy đi của VN-Index 1,85 điểm, GAS sau khi giảm sàn đã hồi phục trong phiên ATC nhưng vẫn giảm 3,3%, SAB (-3%), MSN (-4,8%), HPG (-4,6%), BID (-1,8%), CTG (-1,7%), VIC (-0,3%).
- Tại nhóm cổ phiếu dầu khí, giá dầu thế giới tăng mạnh trong đêm qua không giúp các cổ phiếu có được diễn biến tích cực trước áp lực giảm điểm của thị trường chung. Cùng với GAS, PVD cũng giảm 3,7%, PVT giảm 4,6%. PXS giảm sàn. Cổ phiếu PVS gây chú ý khi hồi phục và giữ được mốc tham chiếu về cuối phiên. Việc khối ngoại mua ròng 1,6 triệu đơn vị đã góp phần quan trọng hỗ trợ giá cổ phiếu trong phiên hôm nay.
- Tại nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, HNG tiếp tục đi ngược thị trường với phiên tăng giá thứ 5 liên tiếp, tổng cộng tăng 8,8%. Ngày 23/6/2018, ĐHCĐ của HNG sẽ được tổ chức. Trong đại hội này, HNG dự kiến trình kế hoạch 2018 với doanh thu thuần 3.743 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế khoảng 150 tỷ đồng, giảm 66% so với thực hiện 2017. Năm 2018 Công ty dự kiến sẽ không chia cổ tức.

Tổng khối lượng giao dịch đạt 250,99 triệu cổ phiếu, trị giá 6.828,2 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận đạt 1.271,6 tỷ đồng với các thỏa thuận lớn của TCB (+225,7 tỷ đồng), NVL (+213,4 tỷ đồng), FPT (+199,3 tỷ đồng)... Các mã dẫn đầu khối lượng khớp lệnh bao gồm HPG (+13,2 triệu đơn vị), SSI (+9,3 triệu đơn vị).

Khối ngoại bán ròng phiên thứ 8 liên tiếp với 158,8 tỷ đồng trên cả hai sàn. Trên sàn HSX, khối ngoại bán ròng 170,4 tỷ đồng. Dẫn đầu danh sách là HPG (-137,6 tỷ đồng), VIC (-78,7 tỷ đồng) và KBC (-48,1 tỷ đồng). Chiều ngược lại, VCB được mua ròng mạnh nhất với giá trị 83,6 tỷ đồng. Tiếp theo là MSN (+27,3 tỷ đồng) và SSI (+23,3 tỷ đồng). Trên sàn HNX, khối ngoại mua ròng trở

lại 11,6 tỷ đồng. Trong đó họ mua ròng mạnh nhất PVS (25,52 tỷ đồng) và bán ròng mạnh nhất VGC (-10,6 tỷ đồng), tiếp theo là SHB (-2,5 tỷ đồng).

Liên tục nói rộng đà giảm ngay từ đầu phiên, HNX-Index chỉ kịp thu hẹp nhẹ mức giảm trước lực cầu mạnh trong phiên ATC. Cụ thể, chỉ số giảm mạnh phiên thứ 2 liên tiếp, đóng cửa tại 110 điểm, giảm 3,05 điểm (tương đương 2,7%). Thanh khoản tăng mạnh so với trung bình tuần trước.

Mở cửa sát mốc tham chiếu, HNX-Index liên tục nói rộng đà giảm khi áp lực bán ngày càng áp đảo và lan rộng trên hầu hết các nhóm cổ phiếu toàn sàn. Càng về gần cuối phiên chiều, áp lực bán càng mạnh trong khi lực cầu bắt đáy lại khá yếu ớt kéo HNX-Index giảm sâu hơn 5.73 điểm, chạm mức thấp nhất ngày tại 107.32 điểm. Chỉ số chỉ thực sự thu hẹp nhẹ đà giảm vào cuối phiên nhờ lực cầu gia tăng bất ngờ phiên ATC tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn ACB (-2%), PVS (0%), VCS (-7,5%), VGC (-4,1%)... Thống kê cụ thể toàn thị trường ghi nhận 36 mã tăng, 138 mã giảm và 49 mã đứng giá.

Tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 61,6 triệu đơn vị, tương ứng giá trị giao dịch đạt hơn 975,1 tỷ đồng. SHB tiếp tục đứng đầu thanh khoản sàn HNX khớp lệnh hơn 12,3 triệu đơn vị. Các vị trí kế tiếp thuộc về ACB, PVS, VCG, CEO,...

Sắc đỏ áp đảo khiến Upcom-Index tiếp tục có phiên giảm sâu thứ hai liên tiếp. Cụ thể, chỉ số đóng cửa giảm 0,88 điểm (tương đương 1,67%) xuống 51,68 điểm. Giao dịch thỏa thuận chiếm hơn 35% thanh khoản toàn sàn.

Tương tự hai sàn niêm yết, sắc đỏ áp đảo khiến Upcom-Index nói rộng đà giảm về cuối phiên trước khi phục hồi nhẹ vào cuối phiên chiều. Sắc xanh chỉ hiện diện ở một vài cổ phiếu như MCH (+1%), SGP (+6,4%), HNA (+5,3%),... trong khi đà giảm lan tỏa khắp sàn với biên độ khá mạnh như ACV (-3,7%), VIB (-5,2%), MSR (-3,3%), SDI (-8,9%), POW (-5,1%),... LPB đứng đầu thanh khoản toàn sàn với khối lượng khớp gần 2,9 triệu đơn vị.

Tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 27,3 triệu đơn vị, tương ứng với giá trị giao dịch là hơn 354,2 tỷ đồng. Giao dịch thỏa thuận đạt gần 126 tỷ đồng, chủ yếu đến từ GVR với giá trị thỏa thuận cao nhất gần 75,9 tỷ đồng. Toàn sàn có 52 mã tăng giá, 36 mã đứng giá và 98 mã giảm giá.

TIN TỨC NỔI BẬT:

Xuất khẩu nguyên liệu chất dẻo tăng mạnh cả về lượng và trị giá: Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, 5 tháng đầu năm 2018 cả nước xuất khẩu 373.221 tấn chất dẻo nguyên liệu, thu về 356,9 triệu USD, tăng 145,3% về lượng và tăng 93% về kim ngạch so với 5 tháng đầu năm 2017. Giá xuất khẩu đạt trung bình 956,3 USD/tấn, giảm 21%. Trung Quốc là thị trường tiêu thụ nhiều nhất chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam, chiếm 70,2% trong tổng lượng xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước và chiếm 54,6% trong tổng kim ngạch, đạt 262.095 tấn, tương đương 194,76 triệu USD, tăng rất mạnh 364% về lượng và tăng 279,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, giá xuất khẩu sang thị trường này lại ở mức thấp nhất thị trường 743,1 USD/tấn, giảm 18,2% so với cùng kỳ. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

Nhập siêu từ Hàn Quốc, Trung Quốc có xu hướng giảm: Theo thông tin mới nhất của Tổng cục Hải quan, hết tháng 5, Việt Nam có 5 thị trường nhập siêu trên 1 tỷ USD, gồm: Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Malaysia. Trong đó, Hàn Quốc là thị trường Việt Nam nhập siêu lớn nhất lên đến 11,57 tỷ USD, tiếp theo là Trung Quốc với mức nhập siêu 11,16 tỷ USD. Nhưng con số nhập siêu từ 2 đối tác trên đang có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2017, trong đó, kim ngạch nhập siêu từ Hàn Quốc giảm 11,4%, trong khi từ thị trường Trung Quốc giảm 3,7%. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

Cập nhật giá hàng hóa ngày 19/06/2018: Giá dầu giảm trong ngày hôm nay, bởi dự đoán tổ chức OPEC và các đồng minh của họ sẽ nâng sản lượng. Dầu thô Brent kỳ hạn, chuẩn giá dầu quốc tế, ở mức 73,05 USD/thùng, giảm 39 US cent hay 0,5% so với đóng cửa phiên trước. Dầu thô ngọt nhẹ WTI kỳ hạn ở mức 64,24 USD/thùng, giảm 82 US cent hay 1,3%. Ở chiều ngược lại, tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 19/6 kỳ hạn tháng 11 tăng 0,3 yên tương đương 0,2% lên 177,1 yên/kg từ mức thấp nhất 12 tuần. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

TIN DOANH NGHIỆP:

Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SAB, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo về ngày ĐKCC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 29/06/2018
- Ngày đăng ký cuối cùng: 02/07/2018
- Tỷ lệ thực hiện: 01 cổ phiếu – 01 quyền biểu quyết
- Thời gian thực hiện: 21/07/2018

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 606.831.600 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đã phân phối: 606.828.166 cổ phiếu
- Mục đích phát hành: Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017
- Ngày dự kiến giao dịch cổ phiếu phát hành: Dự kiến trong tháng 7/2018

CTCP FPT (FPT, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm 2018:

Doanh thu đạt 8.290 tỷ đồng, tương đương 106% kế hoạch lũy kế, lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 1.408 tỷ đồng, tương đương 116% kế hoạch lũy kế. Trong điều kiện so sánh với số liệu thực tế cùng kỳ năm 2017 (Năm 2017 hợp nhất toàn bộ kết quả kinh doanh của FPT Retail và Synnex FPT), doanh thu giảm 49% và LNTT tăng 21% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế của FPT đạt 1.184 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tăng 26%, đạt 936 tỷ đồng.

CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo về niêm yết và giao dịch cổ phiếu thay đổi niêm yết:

- Số lượng chứng khoán thay đổi niêm yết: 39.378.726 cổ phiếu
- Tổng số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết: 342.571.412 cổ phiếu
- Lý do thay đổi niêm yết: Đây là số cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu
- Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực: 18/06/2018
- Ngày chính thức giao dịch: 27/06/2018

CTCP Phú Tài (PTB, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức năm 2017 bằng tiền và cổ phiếu:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 27/06/2018
- Ngày đăng ký cuối cùng: 28/06/2018

1/ Trả 50% cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017:

- Tỷ lệ thực hiện: 10:5 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 05 cổ phiếu mới)
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 16.199.874 cổ phiếu

2/ Trả 10% cổ tức bằng tiền năm 2017:

- Tỷ lệ thực hiện: 10% (1.000 đồng/cổ phiếu)
- Ngày thanh toán: 16/07/2018

CTCP FECON (FCN, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – TV HĐQT, đăng ký mua 200.000 cổ phiếu để tăng tỷ lệ sở hữu theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận. Giao dịch dự kiến thực hiện từ 22/06 đến 21/07/2018.

CTCP DRH Holdings (DRH, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 03/07/2018

- Ngày đăng ký cuối cùng: 04/07/2018

- Tỷ lệ thực hiện: 10:2 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền và cứ 10 quyền sẽ được nhận 02 cổ phiếu)

Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam (VNE, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo về việc đã thoái vốn toàn bộ phần vốn góp tại CTCP Du lịch Xanh Huế VNECO:

Theo đó, VNE đã ký hợp đồng chuyển nhượng 99,86% vốn điều lệ của công ty con Du lịch Xanh Huế VNECO, tương đương 20,77 triệu cổ phiếu. Với giá chuyển nhượng 13.499 đồng/cp, số tiền mà VNE thu về hơn 279 tỷ đồng.

Như vậy kể từ 18/6, Du lịch Xanh Huế VNECO không còn là công ty con của VNE.

Đối tác nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH Khách sạn Silk Path, bà Bùi Tú Phương và ông Tạ Đàm Hưng.

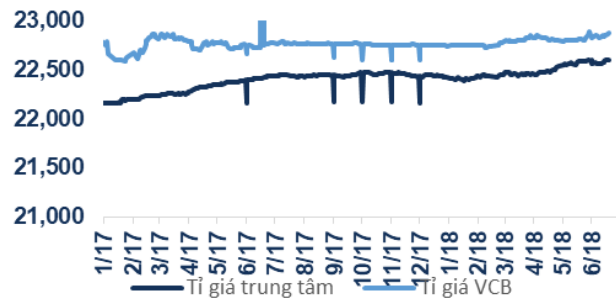
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (TCD, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Ông Nguyễn Thanh Hùng – TV HĐQT kiêm TGD, đăng ký mua 343.920 cổ phiếu để tăng tỷ lệ sở hữu theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận. Trước giao dịch ông Hùng sở hữu 109.080 cổ phiếu (tỷ lệ 0,32%). Giao dịch dự kiến thực hiện từ 21/06 đến 20/07/2018.

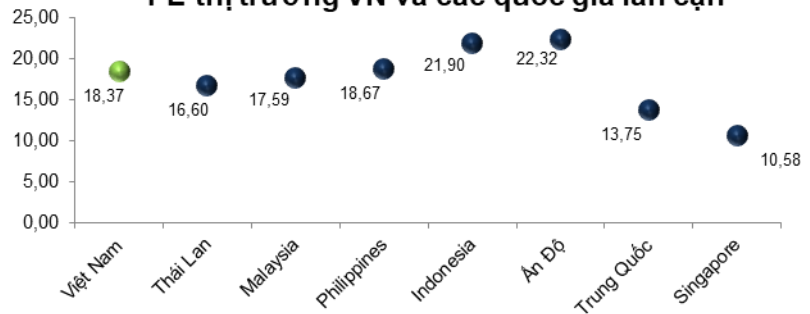
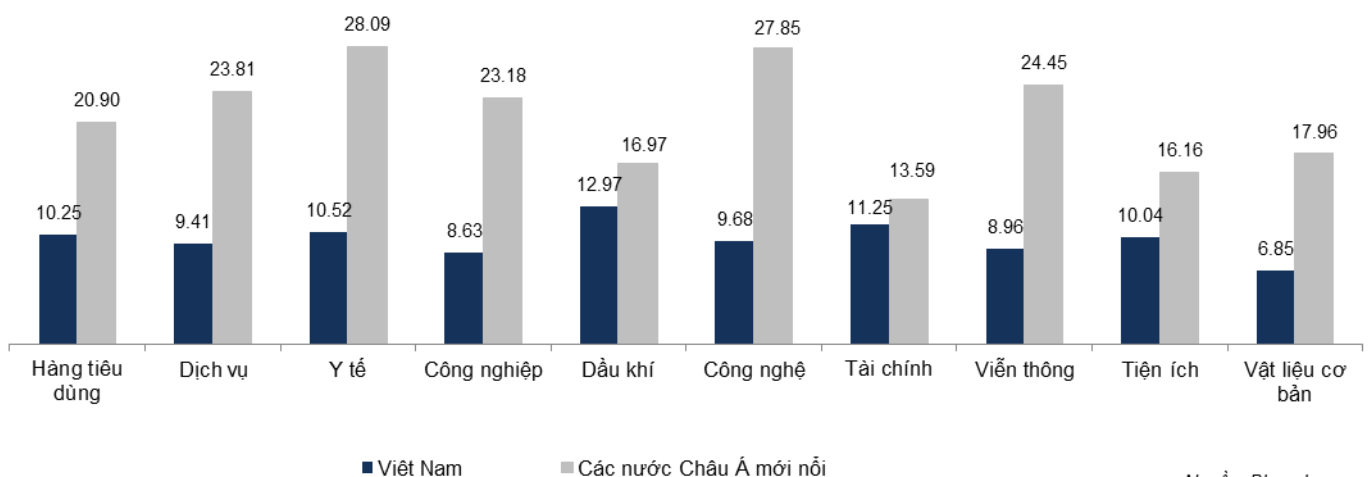
THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ
Biến động một số loại tiền tệ

Cặp ngoại tệ	Tỷ giá		
	6/19/2018	Δ	YTD
USD/VND	22,880	15.00	0.59%
EUR/VND	26,633	66.87	-2.81%
JPY/VND	211.01	2.60	1.36%
CNY/VND	3,609	-2.00	-1.07%

Nguồn: Vietcombank

Biến động Tỷ giá USD/VND

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Chỉ số	Giá trị	Biến động Δ	Biến động %
DJIAX	24,987	-103.0	-0.41%
NASDAQ	7,251	-4.3	-0.06%
S&P 500	2,774	-5.9	-0.21%
FTSE 100	7,576	-54.8	-0.72%
CAC 40	5,382	-68.0	-1.25%
SHANGHAI	2,908	-114.1	-3.78%
NIKKEI	22,278	-401.9	-1.77%

PE thị trường VN và các quốc gia lân cận

CHỈ SỐ PE THEO NGÀNH CỦA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC MỚI NỔI


Nguồn: Bloomberg

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
Biến động các chỉ số so với đầu năm

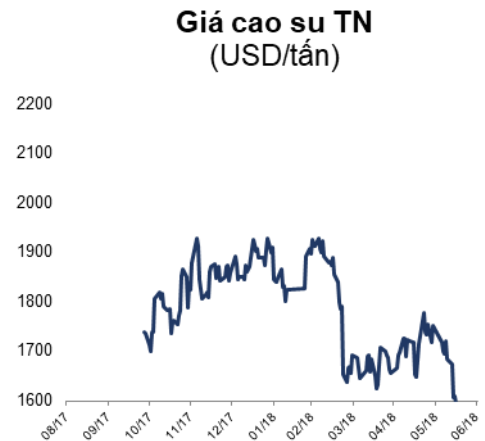
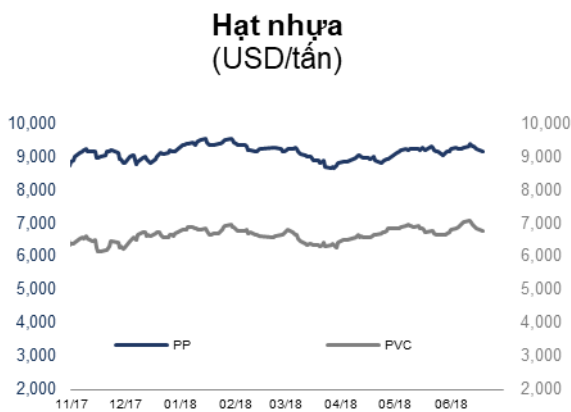
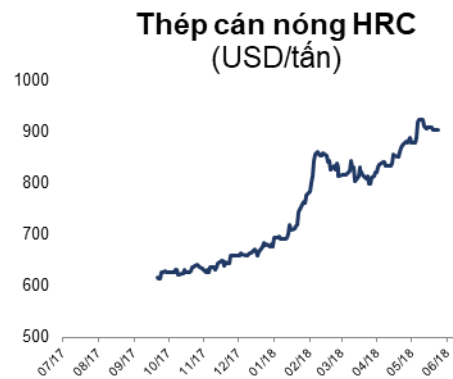
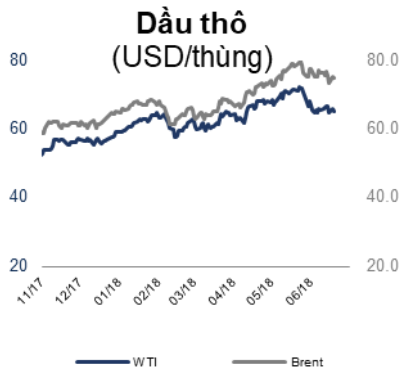

	Sàn HOSE					Sàn HNX					Sàn UPCOM				
	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm
Tài chính	19.3%	37	-3.6%	13.5%	75.7%	50.1%	19	-2.2%	10.5%	68.4%	0.0%	3	1.9%	33.3%	0.0%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	26.5%	27	-2.1%	3.7%	85.2%	19.4%	124	-2.3%	9.7%	40.3%	0.2%	5	-0.2%	0.0%	20.0%
Dịch vụ điện - nước	7.8%	97	-3.0%	15.5%	71.1%	6.1%	13	-2.7%	15.4%	69.2%	0.0%	2	-0.7%	0.0%	50.0%
Công nghiệp	7.0%	22	-3.0%	9.1%	54.5%	6.6%	24	-1.8%	4.2%	58.3%	0.1%	6	1.2%	16.7%	0.0%
Nguyên vật liệu	4.1%	56	-3.8%	14.3%	66.1%	2.5%	26	-1.7%	23.1%	26.9%	0.5%	5	-2.7%	0.0%	20.0%
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	0.2%	7	0.1%	42.9%	28.6%	0.4%	3	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	1	-3.2%	0.0%	100.0%
CNTT	2.7%	39	-3.3%	17.9%	71.8%	4.2%	27	-0.6%	18.5%	29.6%	-	-	-	-	-
Năng lượng	27.4%	41	-1.5%	7.3%	80.5%	8.0%	57	-2.7%	7.0%	49.1%	0.1%	22	-0.4%	4.5%	9.1%
Chăm sóc sức khỏe	1.0%	11	-2.6%	9.1%	72.7%	0.9%	9	-0.8%	11.1%	22.2%	-	-	-	-	-
Không phân loại	0.0%	1	-6.7%	0.0%	100.0%	4.2%	49	-0.2%	30.6%	32.7%	-	-	-	-	-
Toàn thị trường	100.0%	354	-2.5%	13.0%	71.8%	100.0%	320	-2.1%	10.9%	43.1%	100.0%	384	-1.7%	14.1%	25.0%

Nguồn: Bloomberg

Cổ phiếu biến động giá lớn trong 1 tuần

Mã cp	HOSE				HNX				UPCOM		
	KLGD	Giá	% thay đổi	Mã Cp	KLGD	Giá	% thay đổi	Mã Cp	KLGD	Giá	% thay đổi
Cổ phiếu tăng giá											
DTT	20	14.450	14,7%	LBE	-	300	24,0%	VDN	-	700	31,4%
LGC	-	26.300	14,3%	TA9	500	13.300	21,4%	DTC	-	400	29,0%
RIC	1.020	6.210	11,7%	ITQ	-	15.900	20,7%	GGG	-	500	25,0%
VMD	-	21.200	10,1%	KSK	-	3.900	20,0%	KCE	-	900	24,7%
HNG	4.697.820	9.300	8,9%	L61	1.600	11.600	19,6%	HSI	1.200	2.400	20,0%
Cổ phiếu giảm giá											
SII	20	18.350	-18,1%	L35	100	3.100	-31,1%	MTG	-	200	-45,5%
TMT	30.470	7.440	-15,6%	DST	1.975.600	2.700	-25,0%	V15	-	2.300	-33,3%
HTV	80	14.100	-14,5%	B82	-	1.100	-21,4%	NNG	-	300	-33,0%
STT	20	7.430	-13,3%	CVN	111.400	7.900	-19,4%	VKD	1.400	18.000	-27,4%
DGW	769.300	25.150	-13,3%	HHC	-	7.800	-19,0%	CFC	-	16.600	-26,2%

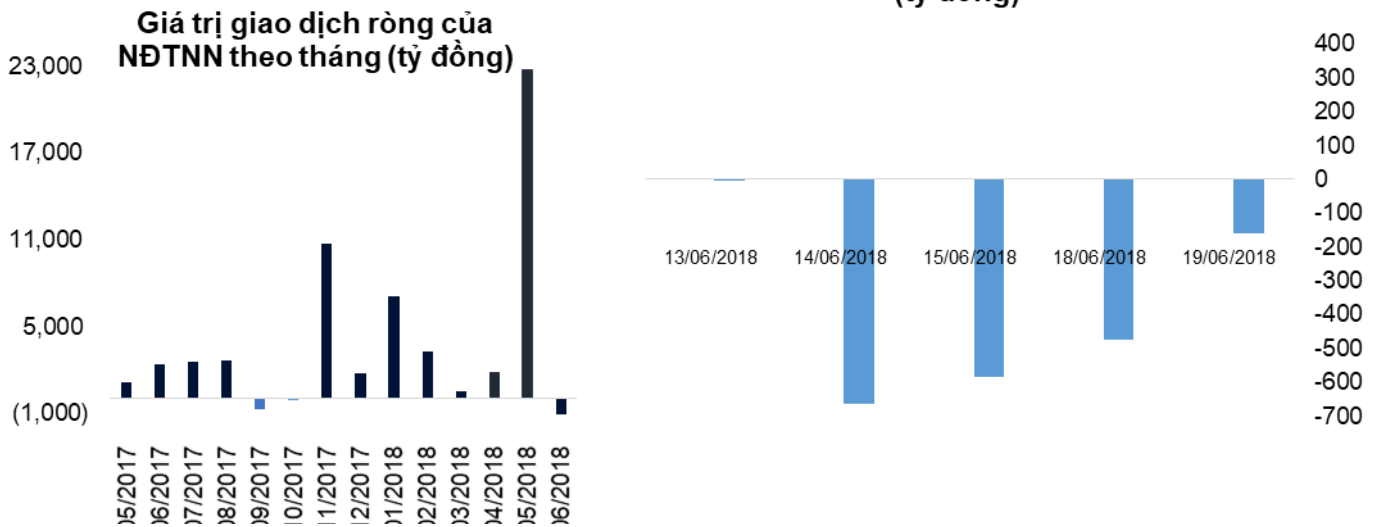
Nguồn: Bloomberg

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA QUỐC TẾ


(Nguồn: Bloomberg)

GAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Sàn	Khối lượng (triệu cp)			Tỷ lệ GTGD ròng/ Thị trường	Giá trị (tỷ VND)			Tỷ lệ GTGD ròng/ Thị trường
	Mua	Bán	Mua - Bán		Mua	Bán	Mua - Bán	
HOSE	21.75	27.05	-5.30	-2.12%	1,143.57	1,313.96	-170.39	-2.53%
HNX	3.49	2.73	0.76	1.23%	51.01	39.43	11.58	1.19%
Tổng	25.23	29.77	-4.54	-1.46%	1,194.57	1,353.38	-158.81	-2.06%

Giá trị giao dịch ròng của NĐTNN theo ngày (tỷ đồng)

HOSE Top mua ròng

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị Mua ròng (1000 VND)	Tỉ trọng của NĐTNN/Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NĐTNN	Tỉ trọng bán NĐTNN
VCB	2.440.410	925.380	1.515.030	83.564.259	5.499.160	44,4%	16,8%
STB	1.221.690	426.130	795.560	9.119.222	8.280.170	14,8%	5,1%
SSI	1.496.750	701.240	795.510	23.288.705	9.356.040	16,0%	7,5%
MSN	517.080	175.560	341.520	27.346.321	1.502.690	34,4%	11,7%
HDB	2.078.870	1.845.850	233.020	8.487.262	3.075.220	67,6%	60,0%
SCR	216.000	-	216.000	1.923.853	4.647.900	4,6%	0,0%
DPM	184.080	-	184.080	3.050.924	624.180	29,5%	0,0%
VSC	161.400	2.700	158.700	5.297.128	376.500	42,9%	0,7%
KDC	333.430	235.120	98.310	3.538.618	542.570	61,5%	43,3%
BVH	300.320	210.520	89.800	7.469.633	368.890	81,4%	57,1%
VNM	560.920	472.190	88.730	14.706.484	1.076.550	52,1%	43,9%
VRE	1.229.620	1.146.210	83.410	3.533.964	2.499.540	49,2%	45,9%
BMP	79.150	500	78.650	4.707.160	288.770	27,4%	0,2%
PLX	72.960	-	72.960	4.498.976	1.282.720	5,7%	0,0%
GAS	115.740	51.920	63.820	5.359.107	1.737.920	6,7%	3,0%
VCI	73.830	20.000	53.830	4.469.271	370.130	19,9%	5,4%
FRT	50.480	2.270	48.210	3.911.068	59.070	85,5%	3,8%
FLC	44.980	-	44.980	211.392	6.522.780	0,7%	0,0%
PHR	54.050	13.250	40.800	915.135	344.730	15,7%	3,8%
EVG	40.000	-	40.000	194.800	398.240	10,0%	0,0%

Top bán ròng

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị Bán ròng (1000 VND)	Tỉ trọng của NDTNN /Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
HPG	214.930	3.811.750	(3.596.820)	(137.616.075)	13.185.240	1,6%	28,9%
E1VFN30	548.480	2.397.970	(1.849.490)	(28.851.198)	2.849.470	19,2%	84,2%
VIC	437.120	1.088.860	(651.740)	(78.678.130)	2.024.310	21,6%	53,8%
SBT	27.920	660.230	(632.310)	(8.955.979)	3.890.270	0,7%	17,0%
DXG	387.280	831.600	(444.320)	(12.545.461)	7.955.660	4,9%	10,5%
CII	56.570	441.370	(384.800)	(10.037.466)	1.984.020	2,9%	22,2%
BID	549.840	899.980	(350.140)	(9.208.571)	5.460.120	10,1%	16,5%
PVD	21.380	336.260	(314.880)	(4.084.936)	1.132.075	1,9%	29,7%
VHM	770.860	1.069.010	(298.150)	(34.333.680)	1.370.730	56,2%	78,0%
HSG	208.620	500.050	(291.430)	(3.473.375)	4.135.960	5,0%	12,1%
KBC	234.200	500.000	(265.800)	(48.076.879)	3.037.250	7,7%	16,5%
CTG	968.010	1.207.440	(239.430)	(5.759.696)	9.144.400	10,6%	13,2%
VND	273.040	508.170	(235.130)	(4.255.441)	5.472.140	5,0%	9,3%
HAG	20.300	251.510	(231.210)	(1.087.075)	7.893.170	0,3%	3,2%
PPC	8.260	230.000	(221.740)	(3.751.589)	532.890	1,6%	43,2%
NVL	35.490	188.000	(152.510)	(7.690.000)	7.030.960	0,5%	2,7%
VOS	-	111.620	(111.620)	(172.638)	576.920	0,0%	19,3%
EIB	-	68.500	(68.500)	(972.627)	11.961.850	0,0%	0,6%
VNE	-	58.330	(58.330)	(379.155)	276.230	0,0%	21,1%
FIT	-	53.600	(53.600)	(247.984)	1.308.000	0,0%	4,1%

HNX
Top mua ròng

Mã CK	Mã CK			Giá trị Mua ròng (1000 VND)	Giá trị mua ròng (1000VND)		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
PVS	2.367.000	748.400	1.618.600	25.521.940	5.803.227	41%	12,9%
VCG	97.200	-	97.200	1.604.750	848.200	12%	0,0%
APS	30.000	-	30.000	96.000	236.100	13%	0,0%
BCC	66.500	49.500	17.000	110.260	108.052	62%	45,8%
AMC	10.000	-	10.000	188.900	19.800	51%	0,0%
VIX	10.000	-	10.000	61.000	135.955	7%	0,0%
IVS	43.100	34.100	9.000	102.850	108.800	40%	31,3%
QTC	9.000	-	9.000	165.600	9.700	93%	0,0%
HMH	8.700	-	8.700	102.620	8.700	100%	0,0%
KKC	6.500	-	6.500	79.000	8.900	73%	0,0%

Top bán ròng

Mã CK	Mã CK			Giá trị Mua ròng (1000 VND)	Giá trị bán ròng (1000VND)		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
VGC	217.200	706.000	(488.800)	(10.581.340)	3.547.308	6,1%	19,9%
SHB	571.800	860.000	(288.200)	(2.501.320)	12.495.314	4,6%	6,9%
TTZ	-	110.500	(110.500)	(840.670)	131.850	0,0%	83,8%
DBC	-	64.300	(64.300)	(1.340.210)	102.110	0,0%	63,0%
KVC	-	49.600	(49.600)	(84.320)	750.500	0,0%	6,6%
SHS	4.100	38.500	(34.400)	(480.350)	1.986.880	0,2%	1,9%
PVC	-	10.000	(10.000)	(54.600)	115.800	0,0%	8,6%
VTC	100	9.600	(9.500)	(94.920)	12.100	0,8%	79,3%
DNY	-	9.400	(9.400)	(43.240)	9.400	0,0%	100,0%
L14	-	7.800	(7.800)	(323.440)	152.902	0,0%	5,1%

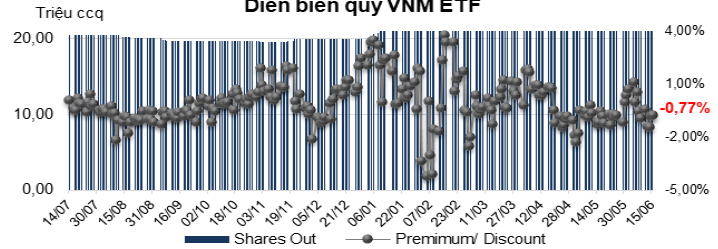
GIAO DỊCH CÁC QUỸ ETFs

• Market Vectors Vietnam ETF

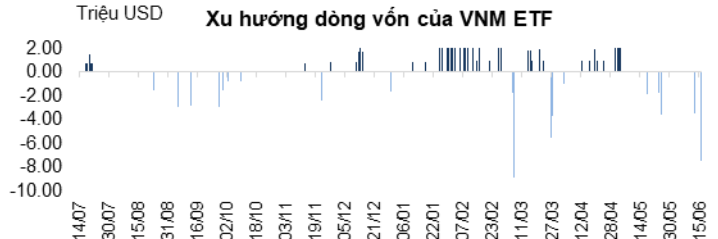
Mã CP	Danh sách năm giữ			
	Số lượng 14/6/2018	Số lượng 15/6/2018	Chênh lệch	Tỷ trọng 15/6/2018
VIC VN	7,671,922	5,707,192	-1,964,730	8.39%
VNM VN	3,670,240	4,047,210	376,970	8.33%
MSN VN	7,241,690	6,730,560	-511,130	7.31%
VCB VN	8,830,692	6,730,560	-2,100,132	6.73%
NVL VN	9,383,926	11,872,206	2,488,280	6.05%
HPG VN	9,749,583	9,173,623	-575,960	5.38%
VRE VN	8,638,030	10,749,010	2,110,980	4.68%
BVH VN	11,138,821	11,752,141	613,320	4.39%
SSI VN	11,138,821	11,752,141	613,320	4.37%
ROS VN	5,563,701	4,130,926	-1,432,775	4.23%
TCH VN	9,604,280	8,517,810	-1,086,470	2.31%
STB VN	15,323,512	12,563,282	-2,760,230	1.80%
SBT VN	12,619,515	9,821,555	-2,797,960	1.79%
VCG VN	10,006,797	8,756,797	-1,250,000	1.71%
NT2 VN	4,402,319	4,318,869	-83,450	1.51%
KDC VN	3,727,490	3,195,630	-531,860	1.26%
DPM VN	6,206,070	5,871,010	-335,060	1.18%
HAG VN	9,717,464	4	-9,717,460	0.76%
HSG VN	5,015,292	455,942	-4,559,350	1.05%

Nguồn: Bloomberg

Diễn biến quỹ VNM ETF



Xu hướng dòng vốn của VNM ETF

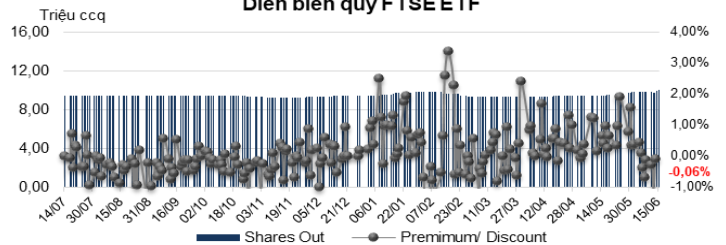


• FTSE Vietnam Index

Mã CP	Danh sách năm giữ			
	Số lượng 14/6/2018	Số lượng 15/6/2018	Chênh lệch	Tỷ trọng 15/6/2018
VIC VN	12,422,741	9,465,510	-2,957,231	15.66%
VNM VN	6,273,780	6,696,764	422,984	15.51%
HPG VN	22,279,213	24,224,696	1,945,483	13.06%
VRE VN	19,941,793	21,686,091	1,744,297	12.36%
MSN VN	10,090,758	10,973,391	882,633	12.21%
VCB VN	6,076,846	6,608,385	531,538	5.01%
NVL VN	6,129,338	6,767,180	637,842	4.69%
PLX VN	3,793,053	4,124,830	331,776	3.57%
SSI VN	7,710,300	8,384,690	674,390	3.51%
ROS VN	2,794,720	3,039,172	244,453	2.24%
STB VN	11,583,569	12,596,777	1,013,208	2.03%
PDR VN	2,794,349	3,038,769	244,419	1.29%
TCH VN	3,705,722	4,029,859	324,137	1.23%
CII VN	3,047,462	3,314,021	266,560	1.17%
SBT VN	5,452,730	5,929,660	476,931	1.16%
KBC VN	4,528,415	4,924,512	396,098	0.82%
PVD VN	3,802,080	4,134,646	332,566	0.77%
BMP VN	853,445	928,091	74,647	0.74%
HBC VN	1,699,743	1,862,736	162,993	0.70%
HSG VN	3,663,502	3,983,499	319,997	0.68%

Nguồn: Bloomberg

Diễn biến quỹ FTSE ETF



Xu hướng dòng vốn của FTSE ETF



DIỄN GIẢI KHUYẾN NGHỊ

Mức khuyến nghị trên dựa vào việc xác định mức chênh lệch giữa giá trị mục tiêu so với giá trị thị trường hiện tại của mỗi cổ phiếu nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho nhà đầu tư trong thời gian đầu tư 12 tháng kể từ ngày đưa ra khuyến nghị.

Mức kỳ vọng 18% được xác định dựa trên mức lãi suất trái phiếu Chính phủ 12 tháng cộng với phần bù rủi ro thị trường cổ phiếu tại Việt Nam.

Khuyến nghị	Diễn giải
Kỳ vọng 12 tháng	
Mua	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường trên 18%
Thêm	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 7% đến 18%
Theo dõi	Nếu giá mục tiêu so với giá thị trường từ -7% đến 7%
Giảm	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường từ -7% đến -18%
Bán	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường trên -18%

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính**

Số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Q. Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: (84.24) 37737070 / 6271 7171

Fax: (84.24) 37739058

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh**

Tầng 3, tòa nhà Bến Thành Times Square, 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: (84.28) 62908686

Fax: (84.28) 62910607

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Đà Nẵng**

100 Quang Trung, P.Thạch Thang, Quận Hải Châu TP. Đà Nẵng, Việt Nam

ĐT: (84.236) 3553666

Fax: (84.236) 3553888